

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HCM
TRƯỜNG TH, THCS, THPT
ALBERT EINSTEINS
Số: 016/ESH/CK2324

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

THÔNG BÁO

THỰC HIỆN CÔNG KHAI ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN TẠI TRƯỜNG TH, THCS, THPT ALBERT EINSTEIN NĂM HỌC 2024-2025

1, Công khai cam kết chất lượng giáo dục:

1.1 Cam kết chất lượng giáo dục (Biểu mẫu 05 & 09 - Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT)

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp
I	Điều kiện tuyển sinh	- Khi có chỉ tiêu. - Học sinh trong độ tuổi quy định - Đáp ứng các điều kiện khác được quy định của Nhà trường. Ngoài ra: - Lớp 6: Hoàn thành chương trình Tiểu học - Lớp 10: Tốt nghiệp THCS
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- MOET + Tiếng Anh tăng cường - Chương trình song ngữ (tích hợp)
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Yêu cầu gia đình hợp tác chặt chẽ, thường xuyên, hiệu quả trên tinh thần tôn trọng lẫn nhau qua các kênh: email, MegaEdu, website, điện thoại ... - Yêu cầu về hành vi, thái độ của HS được thể hiện theo chương trình giáo dục tính cách bằng hành động (10 tính cách).

IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Chương trình hỗ trợ Tiếng Anh (ELL). - Chương trình hỗ trợ học sinh gặp vấn đề khó khăn trong học tập, tâm lý, hành vi,.. (SEL). - Chương trình tham vấn học đường. - Chương trình tư vấn hướng nghiệp.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Nhà trường cam kết năng lực, phẩm chất, sức khỏe của học sinh theo các chương trình đang triển khai.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Nhà trường cam kết chất lượng với việc thực hiện đúng, hiệu quả các chương trình giảng dạy đang thực hiện, đồng thời đưa ra nhiều biện pháp hỗ trợ để đảm bảo khả năng học tập tiếp thu của HS. - Tất cả học sinh khối 12 sau khi TN THPT sẽ tiếp tục học đại học (đi du học hoặc học đại học trong nước).

1.2 Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế năm học 2023 – 2024

- Khối Tiểu Học (Biểu mẫu 6 - Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	420	65	86	77	81	111
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	420	65	86	77	81	111
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	420	65	86	77	81	111
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	97%	94%	96%	96%	98%	100%
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	3%	6%	5%	4%	2%	0%

3	<i>Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)</i>	0%	0%	0%	0%	0%	0%
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	420	65	86	77	81	111
1	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>	81%	86%	90%	73%	71%	87%
2	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>	19%	14%	10%	27%	29%	13%
3	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>	0%	0%	0%	0%	0%	0%
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	<i>Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)</i>	100%	100%	100%	100%	100%	100%
a	<i>Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)</i>	91%	100%	53%	100%	100%	100%
b	<i>HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)</i>	9%	0%	47%	0%	0%	0%
2	<i>Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)</i>	0%	0%	0%	0%	0%	0%

- **Khối THCS & THPT** (Biểu mẫu 10 - Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp						
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	408	114	72	59	64	40	36	23
1	<i>Tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>	92%	94%	89%	100%	98%	63%	97%	100%
2	<i>Khá (tỷ lệ so với tổng số)</i>	7%	6%	11%	0%	2%	35%	0%	0%
3	<i>Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)</i>	1%	0%	0%	0%	0%	2%	3%	0%
4	<i>Yếu (tỷ lệ so với tổng số)</i>	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
II	Số học sinh chia theo học lực	408	114	72	59	64	40	36	23
1	<i>Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)</i>	37%	32%	31%	51%	47%	30%	28%	27%

2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	45%	48%	54%	35%	37%	45%	47%	33%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	18%	20%	15%	14%	16%	25%	25%	10%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm								
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	17%	5%	7%	24%	47%	5%	8%	27%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	28%	27%	22%	27%	37%	25%	19%	11%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	170/31	113/2	1/12	5/6	4/7	40/0	4/3	3/1
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi								
1	Cấp huyện	-	-	-	2	-	-	-	-
2	Cấp tỉnh/thành phố	-	-	-	4	1	-	-	-
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	33	23	2	8	-	-	-	-
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	87	-	-	-	64	-	-	23

VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	85	-	-	-	64	-	-	21
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	45%	0%	0%	0%	47%	0%	0%	27%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	40%	0%	0%	0%	37%	0%	0%	33%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	15%	0%	0%	0%	16%	0%	0%	40%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	234/174	61/53	41/31	38/21	30/34	22/18	25/11	13/10
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	14	0	4	6	2	0	2	0

1.3 Công khai kiểm định cơ sở giáo dục:

a, Kiểm định Cognia: Trường Albert Einstein đạt kiểm định chất lượng Quốc tế Cognia của Mỹ năm 2023 cùng với hệ thống trường Quốc tế Canada. (Cognia là tổ chức kiểm định lớn nhất thế giới, có lịch sử 125 năm, đã thực hiện kiểm định 40.000 trường học/tổ chức tại 85 quốc gia trên toàn thế giới. Cognia sở hữu những cơ quan kiểm định vùng lớn nhất tại Mỹ (NCA CASI, NWAC, SACS CASI).

b, Báo cáo đánh giá ngoài: Thực hiện theo chỉ đạo của Bộ giáo dục và đào tạo, nhà trường tiến hành tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục dành cho các trường tư thục trong năm học 2024-2025.

2, Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

2.1 Cơ sở vật chất (Biểu mẫu 11 - Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	108	58 m ²
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	108	58 m ²
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-

4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	10	65 m ²
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	2	64 m ²
7	Bình quân lớp/phòng học	0.4	63 m ²
8	Bình quân học sinh/lớp	18.5	63 m ²
III	Số điểm trường	1	6.804 m ²
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	15.917 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)		
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	45 m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	64 m ²	
3	Diện tích thư viện (m ²)	150 m ² /Phòng	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	1600 m ²	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	0	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	42	
1.1	Khối lớp 6	6	
1.2	Khối lớp 7	3	
1.3	Khối lớp 8	4	
1.4	Khối lớp 9	3	
1.5	Khối lớp 10	3	
1.6	Khối lớp 11	3	
1.7	Khối lớp 12	3	

2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp...		
2.2	Khối lớp...		
2.3	Khối lớp...		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	1	Vườn sinh vật được chăm sóc hằng ngày xung quanh khuôn viên trường
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	50	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	111 (108 máy/phòng 3 TV di động)	1
2	Cát xét	0	0
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	7	
5	Thiết bị khác...	21 (Dàn loa, mic, ánh sáng, dàn chỉnh âm thanh)	0

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	111 (108 máy/phòng 3 TV di động)	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/ projector/ vật thể	7	
5	Thiết bị khác...	21 (Dàn loa, mic, ánh sáng, dàn chỉnh âm thanh)	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	120 m ²
XI	Nhà ăn	820 m ²

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	108	~800	
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số lượng (m ²)	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		21 x 25 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	https://esh.edu.vn/	
XIX	Tường rào xây	x	

2.2 Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên (Biểu mẫu 12 - Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT)

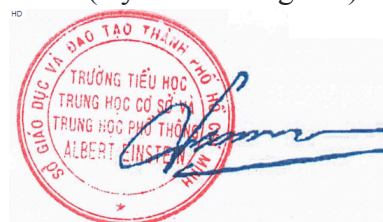
STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	108						
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:							
1	GVCN khối tiểu học	20		1	19			
2	Toán	6		3	3			
3	Lý	3			3			
4	Hóa	2		1	1			
5	Văn	5		2	3			
6	Sử	2			2			
7	Địa	2			2			
8	Sinh	1		1				
9	Tin	3			3			
10	Công dân	2			2			
11	Tiếng Anh	21		1	20			
12	Thể dục & Bơi	6			6			
13	Âm nhạc	2			2			
14	Mỹ thuật	4			4			
15	GDQP	1			1			
16	KHCN	4			4			
17	Toán TA Tiểu học	4		1	3			
18	Tâm lý	3		1	2			
II	Cán bộ quản lý							
1	Hiệu trưởng	1		1				

III	Nhân viên							
1	Nhân viên văn thư	1			1			
2	Nhân viên kế toán	4			4			
3	Thủ quỹ	1			1			
4	Nhân viên y tế	2				1	1	
5	Nhân viên thư viện	1				1		
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1			
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	1		1				
8	Nhân viên công nghệ thông tin	1				1		
9	Học vụ	3			3			

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 09 năm 2024

Hiệu trưởng

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Văn Đạt

3, Công khai kê khai giá dịch vụ giáo dục:

NĂM HỌC 24-25:

PHẦN THU: ĐÃ CÔNG KHAI TRÊN WEBSITE:

EINSTEIN SCHOOL
HO CHI MINH CITY

BIỂU PHÍ THƯỜNG NIÊN CÔNG BỐ NĂM HỌC 2024 - 2025

CHƯƠNG TRÌNH SONG NGỮ

Lớp	Học Phí công bố (tháng) 2024-2025	Chính sách ưu đãi đóng sớm	Chính sách ưu đãi học bổng	
		Lên đến 25%	Lên đến 40%	Lên đến 65%
1	12,210,000	9,157,500	7,326,000	4,273,500
2	13,920,000	10,440,000	8,352,000	4,872,000
3	15,680,000	11,760,000	9,408,000	5,488,000
4	18,300,000	13,725,000	10,980,000	6,405,000
5	19,220,000	14,415,000	11,532,000	6,727,000
6	19,220,000	14,415,000	11,532,000	6,727,000
7	22,860,000	17,145,000	13,716,000	8,001,000
8	23,770,000	17,827,500	14,262,000	8,319,500
9	25,580,000	19,185,000	15,348,000	8,953,000
10	25,580,000	19,185,000	15,348,000	8,953,000
11	31,450,000	23,587,500	18,870,000	11,007,500
12	31,450,000	23,587,500	18,870,000	11,007,500

CHƯƠNG TRÌNH NĂNG CAO TÍCH HỢP TOÁN

Lớp	Mức học bổng
6	60%
7	60%
8	65%
9	65%
10	65%

CHƯƠNG TRÌNH THPT QUỐC TẾ BANG VICTORIA - VCF

Lớp	Học Phí công bố (tháng) 2024-2025	Chính sách ưu đãi đóng sớm	Chính sách ưu đãi học bổng
		Lên đến 25%	Lên đến 40%
11	45,630,000	34,222,500	27,378,000
12	49,550,000	37,162,500	29,730,000

CHI TIẾT PHẦN THU ĐÃ CÔNG KHAI TRÊN WEBSITE:

BIỂU PHÍ
NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG EINSTEIN SCHOOL HCM (ESH)
Ngày hiệu lực: 01/01/2024

ĐIỀU 1: GIẢI THÍCH

- “ESH”, “Nhà trường”, “Trường”: là tên viết tắt của Trường Einstein School HCM có địa chỉ tại số 16 đường số 12, Khu dân cư 13C, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh, do Công ty Cổ phần Trường TH-THCS-THPT Albert Einstein làm chủ đầu tư.
- Hệ thống CISS: là các trường học bao gồm CIS, Sedbergh (BCIS), CVK quận 7, CVK Bình Chánh và ESH.

ĐIỀU 2: PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

- Biểu Phí này quy định mức học phí và các phí khác không hoàn lại của năm học 2024 - 2025 tại ESH và các chính sách liên quan đến học phí bao gồm chính sách ưu đãi, cách thức thanh toán, chính sách hoàn học phí, bảo lưu và chuyển học phí, các trường hợp bất khả kháng v.v...(sau đây gọi là “Biểu Phí”)
- Biểu Phí này áp dụng cho học sinh trong năm học 2024 - 2025 theo chương trình giáo dục phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam tại ESH và học phí được đóng dưới hình thức thường niên.

ĐIỀU 3: HỌC PHÍ

3.1. Mức học phí chung (Đơn vị tính: VNĐ)

Lớp	Học phí công bố (tháng) 2024 - 2025	Chính sách ưu đãi đóng sớm	Chính sách ưu đãi học bổng	
		Lên đến 25%	Lên đến 40%	Lên đến 65%
CHƯƠNG TRÌNH SONG NGỮ				
1	12,210,000	9,157,500	7,326,000	4,273,500
2	13,920,000	10,440,000	8,352,000	4,872,000
3	15,680,000	11,760,000	9,408,000	5,488,000
4	18,300,000	13,725,000	10,980,000	6,405,000
5	19,220,000	14,415,000	11,532,000	6,727,000
6	19,220,000	14,415,000	11,532,000	6,727,000
7	22,860,000	17,145,000	13,716,000	8,001,000
8	23,770,000	17,827,500	14,262,000	8,319,500

9	25,580,000	19,185,000	15,348,000	8,953,000
10	25,580,000	19,185,000	15,348,000	8,953,000
11	31,450,000	23,587,500	18,870,000	11,007,500
12	31,450,000	23,587,500	18,870,000	11,007,500

Đối với học phí 2 kỳ sẽ được thanh toán như sau:

Kỳ 1: 50% x cột học phí năm học 2024 - 2025 (thanh toán trước 15/08/2024)

Kỳ 2: 50% x cột học phí năm học 2024 - 2025 (thanh toán trước 15/12/2024)

3.2 Học phí đã bao gồm:

- 02 bộ đồng phục, 01 bộ đồng phục thể dục.
- Quyền sử dụng sách giáo khoa.
- Bảo hiểm tai nạn học sinh.

Lưu ý

Chính sách được tặng đồng phục và sách, không áp dụng cho các trường hợp nhận học bổng và nhóm học sinh mới nhận hỗ trợ tài chính từ năm học 2024 - 2025.

Học phí được nhận ưu đãi khi đóng 1 lần trọn năm học.

Chương trình học bổng AIMS

Lớp	Mức học bổng
6	60%
7	60%
8	65%
9	65%
10	65%

3.3 Mức học phí đối với trường hợp nhập học sau ngày khai giảng

Thời điểm nhập học	Tỷ lệ thanh toán (theo mức học phí năm học 2024-2025)	Thời điểm nhập học	Tỷ lệ thanh toán (theo mức học phí năm học 2024-2025)
Tháng 09	100%	Tháng 01 + 02	50%

EQUEST
THE QUEST FOR EXCELLENCE



EINSTEIN SCHOOL
HO CHI MINH CITY



Tháng 11

80%

Tháng 04

30%

Tháng 12

70%

Tháng 05

20%

ĐIỀU 4: CÁC PHÍ KHÁC

STT	Khoản mục phí	Số tiền (VNĐ)	Nội dung quy định
I	PHÍ KHÔNG HOÀN LẠI		
1	Phí kiểm tra đầu vào (1 học sinh/lần)	1.100.000	- Thanh toán trước khi học sinh được kiểm tra đầu vào. - Áp dụng cho học sinh mới nhập học lần đầu hoặc học sinh đã rút hồ sơ từ 01 năm trở lên quay lại nhập học
2	Phí nhập học (1 học sinh)	10.000.000	- Thanh toán trong vòng 05 ngày làm việc sau khi Nhà trường thông báo Học sinh đạt kết quả kiểm tra đầu vào hoặc Thư mời nhập học. - Áp dụng cho học sinh mới nhập học lần đầu hoặc học sinh đã rút hồ sơ từ 01 năm trở lên quay lại nhập học.
- Các khoản phí quy định tại mục I này sẽ không hoàn lại trong mọi trường hợp thôi học, bao gồm nhưng không giới hạn như: đã đăng ký nhập học nhưng không học, xin thôi học (trước ngày khai giảng hoặc sau ngày khai giảng), bị kỷ luật buộc thôi học v.v... - Trong trường hợp thực hiện hoàn học phí theo quy định tại điều 8, các khoản phí này sẽ bị khấu trừ trước khi hoàn nếu Phụ huynh chưa đóng.			
II	PHÍ GIỮ SUẤT HỌC		
1	Phí giữ suất học	20.000.000	- Là phí để đảm bảo giữ 01 suất học cho 01 năm học. - Học sinh tái nhập học: thanh toán trước ngày 30/04/2024. - Học sinh mới: Thanh toán trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày Phụ huynh nhận được thông báo Học sinh đạt kết quả kiểm tra đầu vào hoặc Thư mời nhập học. - Khoản phí này sẽ được miễn trừ khi Phụ huynh thanh toán học phí. Đối với trường hợp đóng học phí 2 kỳ, phí này sẽ được khấu trừ vào hai (2) đợt thanh toán học phí kỳ 1 và kỳ 2, với mỗi kỳ là 50%. - Trong trường hợp Học sinh xin thôi học trước ngày khai giảng năm học 2024-2025 hoặc trước thanh toán học phí kỳ 2, khoản phí này sẽ không được hoàn lại và sẽ bị khấu trừ khi hoàn học phí, bao gồm cả trường hợp chưa đóng (xem chi tiết tại

III PHÍ DỊCH VỤ KHÁC			
STT	Khoản mục phí	Số tiền (VNĐ)	Nội dung quy định
1	Phí ăn	Xem biểu phí đính kèm	Xem quy định đính kèm
2	Phí xe đưa rước	Xem biểu phí đính kèm	Xem quy định đính kèm
3	Phí nội trú (1 học sinh/ 1 năm học)	180.000.000	Phí này bao gồm chỗ ở, suất ăn (sáng, trưa, tối và bữa phụ), xe đưa rước, dịch vụ giặt ủi và chi phí sinh hoạt cuối tuần.

ĐIỀU 5: ƯU ĐÃI HỌC PHÍ CHO ANH CHỊ EM RUỘT

5.1 Đối tượng áp dụng

- Dành cho các gia đình có từ 02 con ruột (bao gồm cả con cùng cha /khác mẹ, cùng mẹ /khác cha) trở lên đang học hoặc lần đầu nhập học tại hệ thống CISS, thanh toán học phí đúng hạn, đầy đủ và chưa tham gia các chương trình ưu đãi học phí hoặc gói tài chính đã có tại các trường trong hệ thống CISS
- Trường hợp gia đình vừa có con tham gia gói tài chính, vừa có con không tham gia gói tài chính thì chính sách này vẫn được áp dụng cho người con không tham gia gói tài chính.
- Con thứ 2, thứ 3... được tính theo độ tuổi từ lớn đến nhỏ.

5.2 Mức ưu đãi

- Con thứ 2: giảm (thêm) 5% học phí phải thanh toán tính tại thời điểm nhà trường nhận được đầy đủ học phí (học phí đã tính chiết khấu thanh toán).
- Từ con thứ 3 trở đi: giảm (thêm) 10% học phí phải thanh toán tính tại thời điểm nhà trường nhận được đầy đủ học phí (học phí đã tính chiết khấu thanh toán).

5.3 Giấy tờ chứng minh anh chị em ruột

- Giấy khai sinh của học sinh hoặc hộ khẩu sao y có chứng thực.
- Hoặc các giấy tờ hợp lệ (sao y chứng thực) khác có giá trị chứng minh nếu có

ĐIỀU 6: GIỮ SUẤT HỌC

6.1 Đối với học sinh hiện hữu

- Nhà trường ưu tiên giữ suất học cho đến hết ngày 30/04/2024 với các điều kiện
 - Nhà trường đã nhận được phản hồi của Phụ huynh sẽ tái nhập học/tái ghi danh theo hướng dẫn của Nhà trường (xác nhận qua form online, email hoặc Đơn đăng ký nhập học).
 - Nhà trường đã nhận được phí giữ suất học chậm nhất là vào ngày 30/4/2024 hoặc nhận được học phí đầy đủ (trọn năm hoặc học phí từng kỳ).
- Sau ngày 30/04/2024, Nhà trường sẽ ưu tiên xếp lớp cho học sinh với điều kiện:
 - Học sinh hoàn tất hồ sơ thủ tục tái nhập học theo quy định.

6.2 Đối tượng áp dụng

- Đối với học sinh mới, học phí và các khoản phí khác chỉ được tính khi học sinh được chấp nhận vào học tại trường. Việc hoàn tất thanh toán học phí và các khoản phí khác trước đó sẽ không đồng nghĩa với việc học sinh được đảm bảo suất học tại trường.
- Trong trường hợp Phụ huynh đã thanh toán các khoản học phí và phí dịch vụ khác nhưng không được Nhà trường chấp nhận nhập học, tất cả các khoản phí và học phí đã đóng sẽ được hoàn trả cho Phụ huynh (không phát sinh tiền lãi).

ĐIỀU 7: THANH TOÁN HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN PHÍ KHÁC

7.1 Cách thức thanh toán

Phụ huynh có thể lựa chọn thanh toán bằng tiền mặt, thanh toán bằng thẻ tại Phòng Kế toán của trường hoặc chuyển khoản qua ngân hàng vào tài khoản sau:

Bên nhận	CÔNG TY CP TRƯỜNG TH - THCS - THPT ALBERT EINSTEIN
Số tài khoản	77755568 (VNĐ)
Ngân hàng	Ngân hàng thương mại Cổ phần Á Châu Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh Số 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp.HCM
Swift Code	ASCBVNVX

Lưu ý

- Phụ huynh vui lòng ghi nội dung chuyển khoản hoặc ủy nhiệm chi đáp ứng các thông tin trên giấy đề nghị chuyển tiền theo mẫu của ngân hàng hoặc thông tin khi làm lệnh chuyển khoản như sau:
HOTENHOCSINH-LOP-HOCPhi.
- Sau khi hoàn tất việc thanh toán, phụ huynh vui lòng email hoặc gửi bản sao Ủy nhiệm chi/giấy chuyển tiền của ngân hàng cho Phòng Kế toán.
Trường hợp Phụ huynh cần xuất hóa đơn GTGT, vui lòng gửi thông tin trực tiếp hoặc gửi email cho Phòng Kế toán.
- Phí chuyển khoản ngân hàng thuộc trách nhiệm thanh toán của Phụ huynh.

7.2 Trường hợp chậm thanh toán

- Sau 15 ngày kể từ ngày thông báo quá hạn thanh toán, Phụ huynh phải chịu lãi suất chậm thanh toán 0,05%/ngày trên tổng số phí chưa thanh toán cho mỗi ngày trễ hạn.
- Sau 30 ngày kể từ ngày thông báo quá hạn, ngoài việc áp dụng lãi suất chậm thanh toán nói trên, Nhà trường sẽ tạm ngưng cung cấp dịch vụ học tập và sẽ không xác nhận kết quả học tập cho học sinh cho đến khi việc thanh toán được hoàn tất.

ĐIỀU 8: CHÍNH SÁCH HOÀN HỌC PHÍ, BẢO LƯU, CHUYỂN HỌC PHÍ

8.1 Đối tượng áp dụng hoàn học phí

- Chính sách hoàn học phí áp dụng cho các trường hợp học phí đã thanh toán một lần trọn năm mà học sinh xin thôi học tại trường (vì bất kỳ lý do gì bao gồm nhưng không giới hạn như: dịch bệnh, thiên tai, phụ huynh chuyển công tác, bị bệnh không thể tiếp tục học tập v.v...) hoặc bị nhà trường buộc thôi học do vi phạm kỷ luật.
- Các hình thức thanh toán học phí khác không phải trọn năm sẽ không được hoàn học phí.

8.2 Điều kiện hoàn học phí

- Phụ huynh đã hoàn tất thông báo về việc nghỉ học của học sinh bằng cách điền đầy đủ "Đơn xin thôi học" theo mẫu của Nhà trường và nộp cho Phòng Học vụ. Thời điểm Phòng Học vụ nhận được "Đơn xin thôi học" hợp lệ được xem là "Ngày Nộp Đơn". Các thông báo thôi học bằng lời nói hoặc bằng hình thức khác sẽ không được coi là hợp lệ.
- Đồng thời Phụ huynh nộp đơn để nghị hoàn phí cho Phòng kế toán, trong đó ghi rõ thông tin người thụ hưởng, số tài khoản, ngân hàng.
- Trường hợp học sinh bị kỷ luật buộc thôi học thì việc hoàn học phí sẽ căn cứ vào ngày ban hành quyết định buộc thôi học của Nhà trường.

8.3 Mức hoàn trả học phí

- Mức hoàn trả học phí phụ thuộc vào 3 yếu tố: trước hay sau ngày khai giảng năm học; Ngày Nộp Đơn (hoặc ngày ban hành quyết định buộc thôi học của Nhà trường) và ngày học cuối cùng của học sinh tại trường.
- Học phí được hoàn lại sẽ không có lãi suất và không được hoàn cho những ngày học sinh vắng mặt trong năm học.
- Học phí được hoàn là tỷ lệ trên mức học phí đã đóng sau khi đã khấu trừ các khoản phí không hoàn lại (nếu các khoản phí này chưa đóng) và phí giữ suất học đối với trường hợp nộp đơn trước ngày khai giảng năm học (bao gồm cả trường hợp chưa đóng phí giữ suất học)
- Tỷ lệ hoàn trả chi tiết như sau

Ngày học cuối cùng	Nộp đơn trước 60 Ngày	Nộp đơn trước 30 ngày	Các trường hợp còn lại(*)
Trước ngày khai giảng năm học 2024-2025	100% học phí đã đóng trừ phí giữ suất học	100% học phí đã đóng trừ phí giữ suất học	100% học phí đã đóng trừ phí giữ suất học
Từ ngày khai giảng đến 30/09/2024	60% học phí đã đóng	50% học phí đã đóng	40% học phí đã đóng
01/10/2024 - 31/12/2024	35% học phí đã đóng	25% học phí đã đóng	20% học phí đã đóng
01/01/2025 - 31/03/2025	15% học phí đã đóng	10% học phí đã đóng	Không hoàn phí
Sau 31/03/2025	Không hoàn phí	Không hoàn phí	Không hoàn phí

(*) Áp dụng cho các trường hợp nộp đơn dưới 30 ngày hoặc trường hợp học sinh bị kỷ luật buộc thôi học

8.4 Thanh toán học phí hoàn

Thời gian thanh toán học phí hoàn: trong vòng 15-20 ngày làm việc kể từ ngày học cuối cùng của học sinh được nhà Trường chấp thuận và Phụ huynh không có khiếu nại về việc hoàn học phí và các khoản phí khác.

Bảo lưu

- Học sinh đã đóng học phí trọn năm mà bị bệnh hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khiến cho học sinh tạm thời không thể tiếp tục học thì được bảo lưu không quá 01 năm học. Trừ trường hợp bị bệnh hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng đột ngột, Phụ huynh vui lòng gửi Đơn xin bảo lưu kèm theo tài liệu chứng minh lý do cho Phòng Học vụ tối thiểu 30 ngày trước ngày khai giảng năm học.
- Trường hợp học sinh đã nhập học mà xin bảo lưu thì Nhà trường sẽ bảo lưu số tiền học phí còn lại sau khi cắt trừ học phí của thời gian đã học tính theo bảng học phí phí này. Căn cứ áp dụng tính số học phí, số tháng học được cắt trừ và được bảo lưu dựa vào bảng tính tại điều 3.3, tương tự như trường hợp nhập học muộn. Học sinh sau khi hết thời hạn bảo lưu mà học tiếp thì học phí sẽ áp dụng theo Biểu Phí của năm học đó và sẽ đóng bổ sung chênh lệch nếu có.
- Trường hợp sau khi bảo lưu mà Học sinh xin thôi học thì học phí sẽ được hoàn theo chính sách hoàn học phí quy định tại điều 8. Ngày Phụ Huynh nộp đơn đề nghị bảo lưu được xem là Ngày Nộp Đơn để tính mức hoàn học phí theo quy định của Biểu Phí này.

8.6 Chuyển học phí

- Việc chuyển học phí chỉ áp dụng cho các trường hợp học sinh là anh chị em ruột đang học tại trường và thực hiện trước khi khai giảng năm học.
- Các học sinh này được quyền chuyển học phí cho nhau với điều kiện Phụ huynh phải nộp Đơn xin chuyển học phí tối thiểu 30 ngày trước ngày khai giảng năm học kèm theo tài liệu chứng minh anh chị em ruột cho Phòng Học vụ tối thiểu 30 ngày trước ngày khai giảng năm học.
- Các khoản phí không hoàn lại và Phí giữ suất học quy định tại Điều 4 Biểu Phí sẽ không được hoàn lại và không được áp dụng khi thực hiện việc chuyển phí.

8.7 Hoàn trả các loại phí dịch vụ khác

Phí ăn, phí xe đưa rước được hoàn lại theo chính sách riêng của từng dịch vụ. Phụ huynh vui lòng tham khảo biểu phí của từng dịch vụ chi tiết.

ĐIỀU 9: BẤT KHẢ KHÁNG

Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng như hỏa hoạn, thời tiết, thiên tai, dịch bệnh, đại dịch, chiến tranh, khủng bố, bất ổn/bạo động xã hội hay bất kỳ sự việc nào xảy ra nằm ngoài tầm kiểm soát của Nhà trường mà buộc phải đóng cửa trường học, Nhà trường có quyền chủ động tạm thời điều chỉnh địa điểm học, chương trình học và hình thức học cho phù hợp với bối cảnh tại thời điểm đó để đảm bảo hoàn thành chương trình học tập cho Học sinh. Khi đó, Nhà trường không có nghĩa vụ hoàn trả bất kỳ khoản phí nào đã được đóng cho Nhà trường trước đó (trừ tiền ăn và phí đưa/đón chưa sử dụng nếu có). Phụ huynh có trách nhiệm đóng đầy đủ các loại phí của năm học theo quy định tại Biểu Phí này để đảm bảo Học sinh hoàn tất chương trình học tập.

ĐIỀU 10: CUNG CẤP BIỂU PHÍ

10.1 Phụ huynh có thể tìm hiểu thông tin về Biểu học phí hoặc Biểu phí của từng năm học theo các cách thức như sau

- Cung cấp bản giấy trực tiếp tại Phòng Tuyển sinh của trường.
- Cung cấp qua email mà Phụ huynh đã đăng ký trong Đơn đăng ký nhập học (trường hợp thay đổi email, Phụ huynh vui lòng có văn bản thông báo cho Phòng Học vụ).
- Công bố tại mục "Thông tin tuyển sinh" trên website của trường theo địa chỉ <https://aesvietnam.edu.vn>

PHẦN CHI: ĐÃ CÔNG KHAI TRÊN WEBSITE

**TRƯỜNG TH, THCS & THPT
ALBERT EINSTEIN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19. tháng 5. năm 2024

BÁO CÁO DỰ KIẾN CHI PHÍ CHO GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025

STT	Nội dung khoản mục tiêu	2024 - 2025
1	Chi phí hành chính	7%
2	Chi phí nhân sự	57%
3	Chi phí giáo dục	9%
4	Chi phí marketing	6%
5	Chi phí cơ sở vật chất	18%
6	Chi phí khác	3%
TỔNG CỘNG		100%

Ngày 19 tháng 5. năm 2024

Hiệu trưởng *Thi.*

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Văn Đạt

CÁC FILE CÔNG KHAI GIÁ LÀM THEO QUY ĐỊNH ĐÃ GỬI SỞ GIÁO DỤC KHÔNG ĐỂ LÊN WEBSITE:

Biểu mẫu 04
Theo Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HCM **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TRƯỜNG TH, THCS & THPT ALBERT EINSTEIN **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 09 năm 2024

V/V kê khai giá dịch vụ giáo dục

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá và Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC;

Trường TH,THCS&THPT Albert Einstein gửi Bảng kê khai mức giá dịch vụ giáo dục (đính kèm bảng kê và thông báo thu).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/01/2024

Trường TH,THCS&THPT Albert Einstein xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)
Minh
Nguyễn Văn Đạt

- Họ tên người nộp Văn bản:.....
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai:Số 16, Đường số 12, KDC 13C, Xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc:.....
- Email:.....

Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá :
.....
.....
.....
.....

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HCM
TRƯỜNG TH, THCS & THPT
ALBERT EINSTEIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 09 năm 2024

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

1. Mức giá kê khai:

Đơn vị tính: ngàn đồng/học sinh

STT	Tên dịch vụ giáo dục	Mức giá kê khai năm học 2023-2024	Mức giá kê khai năm học 2024-2025	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú
A		1	2	3=2-1	4=3/1	
I	Mức thu học phí hệ chương trình của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam (Không bao gồm các khoản thu khác)					
1	Lớp 1	122,100,000	122,100,000	-	0%	
2	Lớp 2	139,200,000	139,200,000	-	0%	
3	Lớp 3	156,800,000	156,800,000	-	0%	
4	Lớp 4	183,000,000	183,000,000	-	0%	
5	Lớp 5	192,200,000	192,200,000	-	0%	
6	Lớp 6	192,200,000	192,200,000	-	0%	
7	Lớp 7	228,600,000	228,600,000	-	0%	
8	Lớp 8	237,700,000	237,700,000	-	0%	
9	Lớp 9	255,800,000	255,800,000	-	0%	
10	Lớp 10	255,800,000	255,800,000	-	0%	
11	Lớp 11	314,500,000	314,500,000	-	0%	
12	Lớp 12	314,500,000	314,500,000	-	0%	
II	Mức thu học phí hệ chương trình tích hợp Úc (Không bao gồm các khoản thu khác)					
1	Lớp 11	456,300,000	456,300,000	-	0%	
2	Lớp 12	495,500,000	495,500,000	-	0%	
III	Giá dịch vụ khác					
A	Sách giáo khoa hệ chương trình của Bộ Giáo Dục Đào Tạo Việt Nam					
1	Lớp 1	195,620	177,920	(17,700)	-9.95%	
2	Lớp 2	208,020	185,080	(22,940)	-12.39%	
3	Lớp 3	166,920	161,460	(5,460)	-3.33%	
4	Lớp 4	197,000	176,140	(20,860)	-11.84%	
5	Lớp 5	86,655	199,000	112,345	56.45%	
6	Lớp 6	358,440	329,080	(29,360)	-8.92%	
7	Lớp 7	333,940	332,360	(1,580)	-0.48%	
8	Lớp 8	385,000	334,680	(50,320)	-15.04%	
9	Lớp 9	276,660	380,000	103,340	27.19%	
10	Lớp 10	490,540	463,000	(27,540)	-5.95%	
11	Lớp 11	519,000	464,680	(54,320)	-11.69%	
12	Lớp 12	158,400	502,000	343,600	68.45%	
B	Tài liệu tiếng Anh					

1	Lớp 1	1,432,000	2,307,000	875,000	37.93%	
2	Lớp 2	1,432,000	2,307,000	875,000	37.93%	
3	Lớp 3	1,516,000	2,461,000	945,000	38.40%	
4	Lớp 4	1,516,000	2,461,000	945,000	38.40%	
5	Lớp 5	1,601,000	2,626,000	1,025,000	39.03%	
6	Lớp 6	685,000	740,000	55,000	7.43%	
7	Lớp 7	685,000	740,000	55,000	7.43%	
8	Lớp 8	685,000	740,000	55,000	7.43%	
9	Lớp 9	685,000	740,000	55,000	7.43%	
10	Lớp 10	1,031,000	899,000	(132,000)	-14.68%	
11	Lớp 11	1,031,000	899,000	(132,000)	-14.68%	
12	Lớp 12	1,031,000	899,000	(132,000)	-14.68%	
C	Đồng phục hệ chương trình của Bộ Giáo Dục Đào Tạo Việt Nam					
C.1	Khối tiểu học					
1	Áo Polo	213,000	220,000	7,000	3.18%	
2	Quần nam	240,000	250,000	10,000	4.00%	
3	Váy nữ	243,000	270,000	27,000	10.00%	
4	Áo thể dục	184,000	190,000	6,000	3.16%	
5	Quần thể dục	155,000	160,000	5,000	3.13%	
C.1	Khối Trung học					
1	Áo Polo	213,000	220,000	7,000	3.18%	
2	Quần nam	243,000	250,000	7,000	2.80%	
3	Váy nữ	262,000	270,000	8,000	2.96%	
4	Áo thể dục	184,000	190,000	6,000	3.16%	
5	Quần thể dục	155,000	160,000	5,000	3.13%	
D	Đồng phục hệ chương trình tích hợp Úc					
D.1	Đồng phục nam					
1	Áo sơ mi	530,000	530,000	-	0%	
2	Quần tây	600,000	600,000	-	0%	
3	Áo Ghile	380,000	380,000	-	0%	
4	Áo Vest	840,000	840,000	-	0%	
5	Caravat	82,000	82,000	-	0%	
D.2	Đồng phục nữ					
1	Áo sơ mi	530,000	530,000	-	0%	
2	Váy nữ	580,000	580,000	-	0%	
3	Áo Ghile	350,000	350,000	-	0%	
4	Áo Vest	810,000	810,000	-	0%	
5	Caravat	82,000	82,000	-	0%	
E	Quyền bảo hiểm tai nạn					
	Căn cứ theo HĐ của NCC					
F	Phí kiểm tra đầu vào hệ chương trình của Bộ Giáo Dục Đào Tạo Việt Nam	1,100,000	1,100,000	-	0%	
G	Phí nhập học hệ chương trình của Bộ Giáo Dục Đào Tạo Việt Nam	10,000,000	10,000,000	-	0%	

H	Phí kiểm tra đầu vào hệ chương trình tích hợp Úc	2,200,000	2,200,000	-	0%	
I	Phí nhập học hệ chương trình tích hợp Úc	20,000,000	20,000,000	-	0%	
L	Phí cấp hồ sơ	50,000	50,000.00	-	0%	
S	Học phí hè	21.500.000	-	-		24-25: không tổ chức hè

2. Phân tích nguyên nhân biến động (nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá dịch vụ giáo dục trong việc thực hiện kê khai giá):

Tăng/Giảm trong điều kiện mức lạm phát bình thường hằng năm và không xảy ra biến động bất thường.

3. Chính sách và mức khuyến mại, giảm giá hoặc chiết khấu (nếu có).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/01/2024

Ghi chú:

- Không kê khai khoản thu hộ, chi hộ (vd: Bảo hiểm y tế học sinh, Bảo hiểm tai nạn học sinh, sách giáo khoa...)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HCM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG TH, THCS & THPT Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
ALBERT EINSTEIN

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 09 năm 2024

BẢNG DỰ KIẾN MỨC THU HỌC PHÍ THEO TỪNG CẤP HỌC

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

1. Mức giá dự kiến đối với từng cấp học

Đơn vị tính: đồng/học sinh

STT	Tên dịch vụ giáo dục (Dự kiến học phí năm nay và những năm học tiếp theo của từng khối lớp)	Mức thu dự kiến theo cấp học	Mức tăng/giảm giá trung bình hàng năm	Tỷ lệ tăng/giảm giá trung bình hàng năm	Ghi chú
1	Mức thu học phí chương trình của Bộ Giáo Dục Việt Nam				
1.1	Mức thu học phí của cấp Tiểu Học	947.360.000	38.515.000	4.1%	Dự kiến năm học 25-26 không tăng học phí, các năm tiếp theo mỗi năm tăng không quá 8%
1.2	Mức thu học phí của cấp THCS	1.038.580.000	41.426.667	4.0%	
1.3	Mức thu học phí của cấp THPT	962.290.000	38.745.000	4.0%	
2	Mức thu học phí chương trình tích hợp Úc				
2.1	Mức thu học phí cấp THPT	991.440.000	39.640.000	4.0%	Dự kiến năm học 25-26 không tăng học phí, các năm tiếp theo mỗi năm tăng không quá 8%

2. Phân tích nguyên nhân biến động (nêu rõ các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá dịch vụ giáo dục trong việc thực hiện dự kiến mức thu):

Tăng trong điều kiện mức lạm phát bình thường hằng năm và không xảy ra biến động bất thường.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ (Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Văn Đạt

1

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
**TRƯỜNG TH, THCS & THPT
ALBERT EINSTEIN**

Phụ lục 01
TỔNG HỢP MỨC THU HỌC PHÍ CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGOÀI CÔNG LẬP

(Đính kèm Công văn số 5414/SGDDĐT-KHTC ngày 30 tháng 08 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

vị tính: đồng/năm học, tính bình quân 1 học sinh)

STT	Tên trường	Lớp đầu cấp học	Mức thu học phí năm học 2023-2024	Mức thu học phí năm học 2024-2025	Mức tăng	Tỷ lệ tăng %	Thuyết minh chi phí, nguyên nhân tăng mức thu học phí
	A	B	1	2	3=2-1	4=3/1	
1	TRƯỜNG TH, THCS & THPT ALBERT EINSTEIN	Lớp 1	122,100,000	122,100,000	-	0%	
2	TRƯỜNG TH, THCS & THPT ALBERT EINSTEIN	Lớp 6	192,200,000	192,200,000	-	0%	
3	TRƯỜNG TH, THCS & THPT ALBERT EINSTEIN	Lớp 10	255,800,000	255,800,000	-	0%	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Trường TH-THCS-THPT
Albert Einstein

Phụ lục 02

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỊCH VỤ TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Đính kèm Công văn số 5414/SGDDĐT-KHTC ngày 30 tháng 08 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng/năm học tính bình quân 1 học sinh

STT	Tên trường	Lớp đầu cấp học	Giá các dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục năm học 2023-2024 (tổng giá các dịch vụ)	Giá các dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục năm học 2024-2025 (tổng giá các dịch vụ)	Mức tăng	Tỷ lệ tăng (%)	Thuyết minh chi phí, nguyên nhân tăng, giảm giá
	A	B	1	2	3=2-1	4=3/1	
1	Trường TH-THCS-THPT Albert Einstein	Lớp 1			-		
2	Trường TH-THCS-THPT Albert Einstein	Lớp 6			-		
3	Trường TH-THCS-THPT Albert Einstein	Lớp 10			-		

NĂM HỌC 25-26:

PHẦN THU: ĐÃ CÔNG KHAI TRÊN WEBSITE:

BIỂU PHÍ THƯỜNG NIÊN CÔNG BỐ NĂM HỌC 2025 - 2026

CHƯƠNG TRÌNH MOET+

Lớp	Học phí công bố (tháng) 2025 - 2026	Chính sách ưu đãi đóng sớm	Chính sách ưu đãi học bổng		
		Lên đến 30%	Lên đến 40%	Lên đến 60%	
1	12,210,000	8,547,000	7,326,000	4,884,000	
2	13,920,000	9,744,000	8,352,000	5,568,000	
3	15,680,000	10,976,000	9,408,000	6,272,000	
4	18,300,000	12,810,000	10,980,000	7,320,000	
5	19,220,000	13,454,000	11,532,000	7,688,000	
6	19,220,000	13,454,000	11,532,000	7,688,000	
7	22,860,000	16,002,000	13,716,000	9,144,000	
8	23,770,000	16,639,000	14,262,000	9,508,000	
9	25,580,000	17,906,000	15,348,000	10,232,000	
10	25,580,000	17,906,000	15,348,000	10,232,000	
11	31,450,000	22,015,000	18,870,000	12,580,000	
12	31,450,000	22,015,000	18,870,000	12,580,000	

CHƯƠNG TRÌNH THPT QUỐC TẾ - BANG VICTORIA ÚC

Lớp	Học phí công bố (tháng) 2025 - 2026	Chính sách ưu đãi đóng sớm	Chính sách ưu đãi học bổng
		Lên đến 30%	Lên đến 40%
11VCE	45,630,000	31,941,000	27,378,000
12VCE	49,560,000	34,685,000	29,730,000

CHƯƠNG TRÌNH HỌC BỔNG LỚP TÀI NĂNG TOÁN - STEM

LỚP	MỨC HỌC BỔNG
3	40%
4	45%
5	45%
6	45%
7	50%
8	50%
9	50%
10	60%

PHÍ NGOẠI KHOA THEO QUY ĐỊNH CỦA CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH KHOA

Lớp 1 - 2	1,600,000
Lớp 3 - 5	3,000,000
Lớp 6 - 12	7,000,000

CHI TIẾT PHẦN THU ĐÃ CÔNG KHAI TRÊN WEBSITE





EINSTEIN SCHOOL
HO CHI MINH CITY



BIỂU PHÍ NĂM HỌC 2025 - 2026

TRƯỜNG EINSTEIN SCHOOL HCM (ESH)

Ngày hiệu lực: 01/01/2025

ĐIỀU 1: GIẢI THÍCH

- "ESH", "Nhà trường", "Trường": là tên viết tắt của Trường Tiểu - THCS - THPT Albert Einstein có địa chỉ tại số 16 đường số 12, Khu dân cư 13C, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh, do Công ty Cổ phần Trường Tiểu - THCS - THPT Albert Einstein làm chủ đầu tư.
- Hệ thống trường Canada:** là các cơ sở trường học hoặc điểm trường bao gồm CIS, Sedbergh, CVK quận 7, CVK Bình Chánh và ESH.

ĐIỀU 2: PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

- Biểu Phí này quy định mức học phí và các phí khác của năm học 2025 - 2026 tại ESH và các chính sách liên quan đến học phí bao gồm chính sách ưu đãi, cách thức thanh toán, chính sách hoàn học phí, bảo lưu và chuyển học phí, các trường hợp bất khả kháng v.v...(sau đây gọi là "**Biểu Phí**").
- Biểu Phí này áp dụng cho học sinh trong năm học 2025 - 2026 theo chương trình giáo dục phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam tại ESH và học phí được đóng dưới hình thức thường niên.

ĐIỀU 3: HỌC PHÍ

3.1. Mức học phí chung (Đơn vị tính: VND)

Lớp	Học phí công bố (tháng) 2025 - 2026	Chính sách ưu đãi đóng sớm	Chính sách ưu đãi học bổng	
		Lên đến 30%	Lên đến 40%	Lên đến 60%
1	12,210,000	8,547,000	7,326,000	4,884,000
2	13,920,000	9,744,000	8,352,000	5,568,000
3	15,680,000	10,976,000	9,408,000	6,272,000
4	18,300,000	12,810,000	10,980,000	7,320,000
5	19,220,000	13,454,000	11,532,000	7,688,000
6	19,220,000	13,454,000	11,532,000	7,688,000
7	22,860,000	16,002,000	13,716,000	9,144,000
8	23,770,000	16,639,000	14,262,000	9,508,000

9	25,580,000	17,906,000	15,348,000	10,232,000
10	25,580,000	17,906,000	15,348,000	10,232,000
11	31,450,000	22,015,000	18,870,000	12,580,000
12	31,450,000	22,015,000	18,870,000	12,580,000

*** PHÍ NGOẠI KHOẢ THEO QUY ĐỊNH CỦA CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH KHOẢ**

Lớp 1 - 2	1,600,000
Lớp 3 - 5	3,000,000
Lớp 6 - 12	7,000,000

Đối với học phí đóng theo học kỳ sẽ được thanh toán như sau:

Học Kỳ 1: 50% x cột học phí năm học 2025 - 2026 (thanh toán trước 15/08/2025)

Học Kỳ 2: 50% x cột học phí năm học 2025 - 2026 (thanh toán trước 15/12/2025)

3.2 Học phí đã bao gồm:

- Đối với học sinh hiện hữu 2 bộ đồng phục (1 bộ đồng phục thể dục, 1 bộ đồng phục theo quy định).
- Đối với học sinh mới (quà tặng theo năm học).
- Quyền sử dụng sách giáo khoa online.
- Bảo hiểm tai nạn học sinh.

Lưu ý Chính sách được tặng đồng phục và sách, không áp dụng cho các trường hợp nhận học bổng và nhóm học sinh mới nhận hỗ trợ tài chính từ năm học 2025 - 2026.

3.3 Chương trình học bổng AIMS

Lớp	Mức học bổng
3	40%
4	45%
5	45%
6	45%
7	50%
8	50%
9	50%
10	60%

Lưu ý • Học Bổng được duy trì cho năm học tiếp theo nếu đủ điều kiện
• Ngoài các mức học bổng trên, học sinh còn được hỗ trợ thêm: Miễn phí nhập học và miễn phí thi đầu vào.

3.4 Mức học phí đối với trường hợp nhập học sau ngày khai giảng

Thời điểm nhập học	Tỷ lệ thanh toán (theo mức học phí năm học 2025-2026)	Thời điểm nhập học	Tỷ lệ thanh toán (theo mức học phí năm học 2025-2026)
Tháng 09	100%	Tháng 01 + 02	50%
Tháng 10	90%	Tháng 03	40%
Tháng 11	80%	Tháng 04	30%
Tháng 12	70%	Tháng 05	20%

ĐIỀU 4: CÁC PHÍ KHÁC

STT	Khoản mục phí	Số tiền (VNĐ)	Nội dung quy định
I	PHÍ KHÔNG HOÀN LẠI		
1	Phí kiểm tra đầu vào (1 học sinh/lần)	1.100.000	- Thanh toán trước khi học sinh được kiểm tra đầu vào. - Áp dụng cho học sinh mới nhập học lần đầu hoặc học sinh đã rút hồ sơ từ 01 năm trở lên quay lại nhập học.
2	Phí nhập học (1 học sinh)	10.000.000	- Thanh toán trong vòng 05 ngày làm việc sau khi Nhà trường thông báo Học sinh đạt kết quả kiểm tra đầu vào hoặc Thư mời nhập học. - Áp dụng cho học sinh mới nhập học lần đầu hoặc học sinh đã rút hồ sơ từ 01 năm trở lên quay lại nhập học.
3	Phí giữ suất học	20.000.000	- Là phí để đảm bảo giữ 01 suất học cho 01 năm học. - Học sinh tái nhập học: thanh toán trước ngày 30/04/2025. - Học sinh mới: Thanh toán trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày Phụ huynh nhận được thông báo Học sinh đạt kết quả kiểm tra đầu vào hoặc Thư mời nhập học. - Khoản phí này sẽ được cắt trừ khi Phụ huynh thanh toán học phí. Đối với trường hợp đóng học phí 2 kỳ, phí này sẽ được khấu trừ vào hai (2) đợt thanh toán học phí kỳ 1 và kỳ 2, với mỗi kỳ là 50%. - Trong trường hợp Học sinh xin thôi học trước ngày khai giảng năm học 2025-2026 hoặc trước thanh toán học phí kỳ 2, khoản phí này sẽ không được hoàn lại và sẽ bị khấu trừ khi hoàn học phí, bao gồm cả trường hợp chưa đóng (xem chi tiết tại điều 8).

- Các khoản phí quy định tại mục I này sẽ không hoàn lại trong mọi trường hợp thôi học, bao gồm nhưng không giới hạn như: đã đăng ký nhập học nhưng không học, xin thôi học (trước ngày khai giảng hoặc sau ngày khai giảng), bị kỷ luật buộc thôi học v.v...
- Trong trường hợp thực hiện hoàn học phí theo quy định tại điều 8, các khoản phí này sẽ bị khấu trừ trước khi hoàn nếu Phụ huynh chưa đóng.

II PHÍ DỊCH VỤ KHÁC			
STT	Khoản mục phí	Số tiền (VNĐ)	Nội dung quy định
1	Phí ăn	Xem biểu phí đính kèm	Xem quy định đính kèm
2	Phí xe đưa rước	Xem biểu phí đính kèm	Xem quy định đính kèm
3	Phí nội trú (1 học sinh/ 1 năm học)	180.000.000	Phí này bao gồm chỗ ở, suất ăn (sáng, trưa, tối và bữa phụ), xe đưa rước, dịch vụ giặt ủi và chi phí sinh hoạt cuối tuần.

ĐIỀU 5: ƯU ĐÃI HỌC PHÍ CHO ANH CHỊ EM RUỘT

5.1 Đối tượng áp dụng

- Dành cho các gia đình có từ 02 con ruột (bao gồm cả con cùng cha /khác mẹ, cùng mẹ /khác cha) trở lên đang học hoặc lần đầu nhập học tại hệ thống Trường Canada, thanh toán học phí đúng hạn, đầy đủ và chưa tham gia các chương trình ưu đãi học phí hoặc gói tài chính đã có tại các trường trong hệ thống Trường Canada.
- Trường hợp gia đình vừa có con tham gia gói tài chính, vừa có con không tham gia gói tài chính thì chính sách này vẫn được áp dụng cho người con không tham gia gói tài chính.
- Con thứ 2, thứ 3... được tính theo độ tuổi từ lớn đến nhỏ.

5.2 Mức ưu đãi

- Con thứ 2: giảm (thêm) 5% học phí phải thanh toán tính tại thời điểm nhà trường nhận được đầy đủ học phí (học phí đã tính chiết khấu thanh toán).
- Từ con thứ 3 trở đi: giảm (thêm) 10% học phí phải thanh toán tính tại thời điểm nhà trường nhận được đầy đủ học phí (học phí đã tính chiết khấu thanh toán).

5.3 Giấy tờ chứng minh anh chị em ruột

- Giấy khai sinh của học sinh sao y có chứng thực.
- Hoặc các giấy tờ hợp lệ (sao y chứng thực) khác có giá trị chứng minh nếu có.

ĐIỀU 6: GIỮ SUẤT HỌC

6.1 Đối với học sinh hiện hữu

- Nhà trường ưu tiên giữ suất học cho đến hết ngày 30/04/2025 với các điều kiện sau:
 - Nhà trường đã nhận được phản hồi của Phụ huynh sẽ tái nhập học/tái ghi danh theo hướng dẫn của Nhà trường (xác nhận qua form online, email hoặc Đơn đăng ký nhập học).



- Nhà trường đã nhận được phí giữ suất học chậm nhất là vào ngày 30/4/2025 hoặc nhận được học phí đầy đủ (trọn năm hoặc học phí từng kỳ).
- Sau ngày 30/04/2025, Nhà trường sẽ ưu tiên xếp lớp cho học sinh với điều kiện:
 - Học sinh hoàn tất hồ sơ thủ tục tái nhập học theo quy định.
 - Cấp lớp học sinh nhập học/tái nhập học còn đủ sĩ số lớp học.
 - Học phí và các phí khác được thanh toán đúng hạn và đầy đủ.

6.2 Đối với học sinh mới

- Học phí và các khoản phí khác chỉ được tính khi học sinh được chấp nhận vào học tại trường. Việc hoàn tất thanh toán học phí và các khoản phí khác trước đó sẽ không đồng nghĩa với việc học sinh được đảm bảo suất học tại trường.
- Trong trường hợp Phụ huynh đã thanh toán các khoản học phí và phí dịch vụ khác nhưng không được Nhà trường chấp nhận nhập học, tất cả các khoản phí và học phí đã đóng sẽ được hoàn trả cho Phụ huynh (không phát sinh tiền lãi).

ĐIỀU 7: THANH TOÁN HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN PHÍ KHÁC

7.1 Cách thức thanh toán

Phụ huynh có thể lựa chọn thanh toán bằng tiền mặt, thanh toán bằng thẻ tại Phòng Kế toán của trường hoặc chuyển khoản qua ngân hàng vào tài khoản sau:

Bên nhận	CÔNG TY CP TRƯỜNG TH - THCS - THPT ALBERT EINSTEIN
Số tài khoản	77755568 (VND)
Ngân hàng	Ngân hàng thương mại Cổ phần Á Châu Chi Nhánh Tp. Hồ Chí Minh Số 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp.HCM
Swift Code	ASCBVNVX

Lưu ý

- 1 Phụ huynh vui lòng ghi nội dung chuyển khoản hoặc ủy nhiệm chi đáp ứng các thông tin trên giấy đề nghị chuyển tiền theo mẫu của ngân hàng hoặc thông tin khi làm lệnh chuyển khoản như sau:
HOTENHOCSINH-LOP-HOCPhi.
- 2 Sau khi hoàn tất việc thanh toán, phụ huynh vui lòng email hoặc gửi bản sao Ủy nhiệm chi/giấy chuyển tiền của ngân hàng cho Phòng Kế toán.
- 3 Trường hợp Phụ huynh cần xuất hóa đơn GTGT, vui lòng gửi thông tin trực tiếp hoặc gửi email cho Phòng Kế toán.
- 4 Phí chuyển khoản ngân hàng thuộc trách nhiệm thanh toán của Phụ huynh.

7.2 Trường hợp quá hạn thanh toán

- Sau 15 ngày kể từ ngày thông báo quá hạn thanh toán, Phụ huynh phải chịu lãi suất chậm thanh toán 0,05%/ngày trên tổng số phí chưa thanh toán cho mỗi ngày trễ hạn.
- Sau 30 ngày kể từ ngày thông báo quá hạn, ngoài việc áp dụng lãi suất chậm thanh toán nói trên, Nhà trường sẽ tạm ngưng cung cấp dịch vụ học tập và sẽ không xác nhận kết quả học tập cho học sinh cho đến khi việc thanh toán được hoàn tất.

ĐIỀU 8: CHÍNH SÁCH HOÀN HỌC PHÍ, BẢO LƯU, CHUYỂN HỌC PHÍ

8.1 Đối tượng áp dụng hoàn học phí

- Chính sách hoàn học phí áp dụng cho các trường hợp học phí đã thanh toán một lần trọn năm mà học sinh xin thôi học tại trường (vì bất kỳ lý do gì bao gồm nhưng không giới hạn như: dịch bệnh, thiên tai, phụ huynh chuyển công tác, bị bệnh không thể tiếp tục học tập v.v...) hoặc bị nhà trường buộc thôi học do vi phạm kỷ luật.
- Các hình thức thanh toán học phí khác không phải trọn năm sẽ không được hoàn học phí.

8.2 Điều kiện hoàn học phí

- Phụ huynh đã hoàn tất thông báo về việc nghỉ học của học sinh bằng cách điền đầy đủ "Đơn xin thôi học" theo mẫu của Nhà trường và nộp cho Phòng Học vụ. Thời điểm Phòng Học vụ nhận được "Đơn xin thôi học" hợp lệ được xem là "Ngày Nộp Đơn". Các thông báo thôi học bằng lời nói hoặc bằng hình thức khác sẽ không được coi là hợp lệ.
- Đồng thời Phụ huynh nộp đơn để nghị hoàn phí cho Phòng kế toán, trong đó ghi rõ thông tin người thụ hưởng, số tài khoản, ngân hàng.
- Trường hợp học sinh bị kỷ luật buộc thôi học thì việc hoàn học phí sẽ căn cứ vào ngày ban hành quyết định buộc thôi học của Nhà trường.

8.3 Mức hoàn trả học phí

- Mức hoàn trả học phí phụ thuộc vào 3 yếu tố: Ngày nộp đơn so với ngày học cuối cùng của học sinh tại trường (hoặc ngày ban hành quyết định buộc thôi học của Nhà trường) và trước hay sau ngày khai giảng năm học.
- Học phí được hoàn lại sẽ không có lãi suất và không được hoàn cho những ngày học sinh vắng mặt trong năm học.
- Học phí được hoàn là tỷ lệ trên mức học phí đã đóng sau khi đã khấu trừ các khoản phí không hoàn lại (nếu các khoản phí này chưa đóng) và phí giữ suất học đối với trường hợp nộp đơn trước ngày khai giảng năm học (bao gồm cả trường hợp chưa đóng phí giữ suất học).
- Tỷ lệ hoàn trả chi tiết như sau:

Ngày nộp đơn	Trước 60 ngày so với ngày học cuối cùng	Trước 30 ngày so với ngày học cuối cùng	Các trường hợp còn lại(*)
Trước ngày khai giảng năm học 2025 - 2026	100% học phí đã đóng trừ phí giữ suất học	100% học phí đã đóng trừ phí giữ suất học	100% học phí đã đóng trừ phí giữ suất học
Từ ngày khai giảng đến 30/09/2025	60% học phí đã đóng	50% học phí đã đóng	40% học phí đã đóng
01/10/2025 - 31/12/2025	35% học phí đã đóng	25% học phí đã đóng	20% học phí đã đóng
01/01/2026 - 31/03/2026	15% học phí đã đóng	10% học phí đã đóng	Không hoàn phí
Sau 31/03/2026	Không hoàn phí	Không hoàn phí	Không hoàn phí

(*) Áp dụng cho các trường hợp nộp đơn dưới 30 ngày hoặc trường hợp học sinh bị kỷ luật buộc thôi học

8.4 Thanh toán học phí hoàn

Thời gian thanh toán học phí hoàn: trong vòng 15-20 ngày làm việc kể từ ngày học cuối cùng của học sinh được Nhà trường chấp thuận và Phụ huynh không có khiếu nại về việc hoàn học phí và các khoản phí khác.

8.5 Bảo lưu

- Học sinh đã đóng học phí trọn năm mà bị bệnh hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khiến cho học sinh tạm thời không thể tiếp tục học thì được bảo lưu không quá 01 năm học. Trừ trường hợp bị bệnh hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng đột ngột, Phụ huynh vui lòng gửi Đơn xin bảo lưu kèm theo tài liệu chứng minh lý do cho Phòng Học vụ tối thiểu 30 ngày trước ngày khai giảng năm học.
- Trường hợp học sinh đã nhập học mà xin bảo lưu thì Nhà trường sẽ bảo lưu số tiền học phí còn lại sau khi căn trừ học phí của thời gian đã học tính theo bảng học phí phí này. Căn cứ áp dụng tính số học phí, số tháng học được căn trừ và được bảo lưu dựa vào bảng tính tại Điều 3.4, tương tự như trường hợp nhập học muộn. Học sinh sau khi hết thời hạn bảo lưu mà học tiếp thì học phí sẽ áp dụng theo Biểu Phí của năm học đó và sẽ đóng bổ sung chênh lệch nếu có.
- Trường hợp sau khi bảo lưu mà Học sinh xin thôi học thì học phí sẽ được hoàn theo chính sách hoàn học phí quy định tại Điều 8 này. Ngày Phụ Huynh nộp đơn để nghị bảo lưu được xem là Ngày Nộp Đơn để tính mức hoàn học phí theo quy định của Biểu Phí này.

8.6 Chuyển học phí

- Việc chuyển học phí chỉ áp dụng cho các trường hợp học sinh là anh chị em ruột đang học tại trường và thực hiện trước khi khai giảng năm học.
- Các học sinh này được quyền chuyển học phí cho nhau với điều kiện Phụ huynh phải nộp Đơn xin chuyển học phí tối thiểu 30 ngày trước ngày khai giảng năm học kèm theo tài liệu chứng minh anh chị em ruột cho Phòng Học vụ tối thiểu 30 ngày trước ngày khai giảng năm học.
- Các khoản phí không hoàn lại quy định tại Điều 4 Biểu Phí sẽ không được hoàn lại và không được áp dụng khi thực hiện việc chuyển phí.

8.7 Hoàn trả các loại phí dịch vụ khác

Phí dịch vụ suất ăn và phí dịch vụ xe đưa rước sẽ được hoàn lại theo chính sách riêng của từng đơn vị cung cấp dịch vụ. Phụ huynh vui lòng tham khảo biểu phí của từng dịch vụ chi tiết.

ĐIỀU 9: BẤT KHẢ KHÁNG

Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng như hỏa hoạn, thời tiết, thiên tai, dịch bệnh, đại dịch, chiến tranh, khủng bố, bất ổn/bạo động xã hội hay bất kì sự việc nào xảy ra nằm ngoài tầm kiểm soát của Nhà trường mà buộc phải đóng cửa trường học, Nhà trường có quyền chủ động tạm thời điều chỉnh địa điểm học, chương trình học và hình thức học cho phù hợp với bối cảnh tại thời điểm đó để đảm bảo hoàn thành chương trình học tập cho Học sinh. Phụ huynh có trách nhiệm đóng đầy đủ các loại phí của năm học theo quy định tại Biểu Phí này để đảm bảo Học sinh hoàn tất chương trình học tập.

ĐIỀU 10: CÁC BIỂU PHÍ KHÁC NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH (DỰ KIẾN)

- Câu lạc bộ ngoại khóa sau giờ học: dự kiến từ 2,500,000VNĐ/học sinh/môn.
- Dã ngoại trải nghiệm học tập: dự kiến từ 2,500,000VNĐ/học sinh/chuyến.
- Chương trình trại hè tại nước ngoài: từ 25,000,000VNĐ/học sinh/trại.

ĐIỀU 11: CUNG CẤP BIỂU PHÍ

11.1 Phụ huynh có thể tìm hiểu thông tin về Biểu học phí hoặc Biểu phí của từng năm học theo các cách thức như sau

- Cung cấp bản giấy trực tiếp tại Phòng Tuyển sinh của trường.
- Cung cấp qua email mà Phụ huynh đã đăng ký trong Đơn đăng ký nhập học (trường hợp thay đổi email, Phụ huynh vui lòng có văn bản thông báo cho Phòng Học vụ).
- Công bố tại mục "Thông tin tuyển sinh" trên website của trường theo địa chỉ <https://esh.edu.vn>

11.2 Thông báo/Liên hệ

Nhà trường sẽ gửi Thông báo học phí, bảng học phí hoặc các thông báo cần thiết khác cho Phụ huynh qua các địa chỉ email sau đây:

- Phòng Tuyển sinh: tuyensinh@esh.edu.vn
- Phòng Kế toán: accounting@esh.edu.vn
- Phòng Học vụ: academic.services@esh.edu.vn
- Trường Einstein School HCM: info@esh.edu.vn

BIỂU PHÍ NĂM HỌC 2025 - 2026

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TRUNG HỌC BANG VICTORIA - ÚC (VICTORIAN CERTIFICATE OF EDUCATION - VCE)

TRƯỜNG EINSTEIN SCHOOL HCM

Ngày hiệu lực: 01/01/2025

ĐIỀU 1: GIẢI THÍCH

- “ESH”, “Nhà trường”, “Trường”: là tên viết tắt của TH-THCS-THPT Albert Einstein có địa chỉ tại số 16 đường số 12, Khu dân cư 13C, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh, do Công ty Cổ phần Trường TH-THCS-THPT Albert Einstein làm chủ đầu tư.
- Hệ thống trường Canada: là các cơ sở trường học hoặc điểm trường bao gồm CIS, Sedbergh (BCIS), CVK quận 7, CVK Bình Chánh và ESH.

ĐIỀU 2: PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

- Biểu Phí này quy định mức học phí và các phí khác của năm học 2025 - 2026 tại ESH và các chính sách liên quan đến học phí bao gồm chính sách ưu đãi, cách thức thanh toán, chính sách hoàn học phí, bảo lưu và chuyển học phí, các trường hợp bất khả kháng v.v...(sau đây gọi là “Biểu phí”)
- Biểu Phí này áp dụng cho học sinh trong năm học 2025 - 2026 theo chương trình giáo dục phổ thông trung học của bang Victoria, Úc (VCE) tại ESH và học phí được đóng dưới hình thức thường niên.

ĐIỀU 3: HỌC PHÍ

3.1. Mức học phí chung (Đơn vị tính: VNĐ)

Lớp	Học phí công bố (tháng) 2025 - 2026	Chính sách ưu đãi đóng sớm	Chính sách ưu đãi học bổng
		Lên đến 30%	Lên đến 40%
CHƯƠNG TRÌNH SONG NGỮ			
11	45,630,000	31,941,000	27,378,000
12	49,550,000	34,685,000	29,730,000

Đối với học phí đóng theo học kỳ sẽ được thanh toán như sau:

Học kỳ 1: 50% x cột học phí năm học 2025 - 2026 (thanh toán trước 15/08/2025)

Học kỳ 2: 50% x cột học phí năm học 2025 - 2026 (thanh toán trước 15/12/2025)

PHÍ NGOẠI KHOA THEO QUY ĐỊNH CỦA CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH KHOA

Lớp 1 - 2	1,600,000
Lớp 3 - 5	3,000,000
Lớp 6 - 12	7,000,000

3.2 Học phí đã bao gồm:

- Đối với học sinh hiện hữu 2 bộ đồng phục (gồm 02 áo sơ mi và 02 quần hoặc váy).
- Đối với học sinh mới (quà tặng theo năm học).
- Quyền sử dụng sách giáo khoa online.
- Bảo hiểm tai nạn học sinh.

Lưu ý Chính sách được tặng đồng phục và sách, không áp dụng cho các trường hợp nhận học bổng và nhóm học sinh mới nhận hỗ trợ tài chính từ năm học 2025 - 2026.

3.3 Chương trình học bổng “Bệ phóng Tài năng”;

Mức học bổng (theo biểu phí công bố)	Số lượng	Thời hạn
Học bổng 40%	30 suất	Trước 30/05/2025

- Học bổng được duy trì cho năm học tiếp theo nếu đủ điều kiện
- Các gói, chính sách học phí khác tại ESH sẽ không áp dụng cho các chương trình này
- Ngoài các mức học bổng trên, học sinh còn được hỗ trợ thêm: Miễn phí nhập và miễn phí thi đầu vào

3.4 Mức học phí đối với trường hợp nhập học sau ngày khai giảng

Thời điểm nhập học	Tỷ lệ thanh toán (theo mức học phí năm học 2025-2026)	Thời điểm nhập học	Tỷ lệ thanh toán (theo mức học phí năm học 2025-2026)
Tháng 09	100%	Tháng 01 + 02	50%
Tháng 10	90%	Tháng 03	40%
Tháng 11	80%	Tháng 04	30%
Tháng 12	70%	Tháng 05	20%

ĐIỀU 4: CÁC PHÍ KHÁC

STT	Khoản mục phí	Số tiền (VNĐ)	Nội dung quy định
I	PHÍ KHÔNG HOÀN LẠI		
1	Phí kiểm tra đầu vào (1 học sinh/lần)	2.200.000	• Thanh toán trước khi học sinh được kiểm tra đầu vào. • Áp dụng cho học sinh mới nhập học lần đầu hoặc học sinh đã rút hồ sơ từ 01 năm trở lên quay lại nhập học
2	Phí nhập học (1 học sinh)	20.000.000	• Thanh toán trong vòng 05 ngày làm việc sau khi Nhà trường thông báo Học sinh đạt kết quả kiểm tra đầu vào hoặc Thư mời nhập học. • Áp dụng cho học sinh mới nhập học lần đầu hoặc học sinh đã rút hồ sơ từ 01 năm trở lên quay lại nhập học.

3	Phí giữ suất học	20.000.000	- Là phí để đảm bảo giữ 01 suất học cho 01 năm học. - Học sinh tái nhập học: thanh toán trước ngày 30/04/2025. - Học sinh mới: Thanh toán trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày Phụ huynh nhận được thông báo Học sinh đạt kết quả kiểm tra đầu vào hoặc Thư mời nhập học. - Khoản phí này sẽ được căn trừ khi Phụ huynh thanh toán học phí. Đối với trường hợp đóng học phí 2 kỳ, phí này sẽ được khấu trừ vào hai (2) đợt thanh toán học phí kỳ 1 và kỳ 2, với mỗi kỳ là 50%. - Trong trường hợp Học sinh xin thôi học trước ngày khai giảng năm học 2025-2026 hoặc trước thanh toán học phí kỳ 2, khoản phí này sẽ không được hoàn lại và sẽ bị khấu trừ khi hoàn học phí, bao gồm cả trường hợp chưa đóng (xem chi tiết tại điều 8).
---	------------------	------------	---

- Các khoản phí quy định tại mục I này sẽ không hoàn lại trong mọi trường hợp thôi học, bao gồm nhưng không giới hạn như: đã đăng ký nhập học nhưng không học, xin thôi học (trước ngày khai giảng hoặc sau ngày khai giảng), bị kỷ luật buộc thôi học v.v...
- Trong trường hợp thực hiện hoàn học phí theo quy định tại điều 8, các khoản phí này sẽ bị khấu trừ trước khi hoàn nếu Phụ huynh chưa đóng.

II PHÍ DỊCH VỤ KHÁC			
STT	Khoản mục phí	Số tiền (VNĐ)	Nội dung quy định
1	Phí ăn	Xem biểu phí đính kèm	Xem quy định đính kèm
2	Phí xe đưa rước	Xem biểu phí đính kèm	Xem quy định đính kèm
3	Phí nội trú (1 học sinh/ 1 năm học)	180.000.000	Phí này bao gồm chỗ ở, suất ăn (sáng, trưa, tối và bữa phụ), xe đưa rước, dịch vụ giặt ủi và chi phí sinh hoạt cuối tuần.

ĐIỀU 5: ƯU ĐÃI HỌC PHÍ CHO ANH CHỊ EM RUỘT

5.1 Đối tượng áp dụng

- Dành cho các gia đình có từ 02 con ruột (bao gồm cả con cùng cha /khác mẹ, cùng mẹ /khác cha) trở lên đang học hoặc lần đầu nhập học tại hệ thống Trường Canada, thanh toán học phí đúng hạn, đầy đủ và chưa tham gia các chương trình ưu đãi học phí hoặc gói tài chính đã có tại các trường trong hệ thống Trường Canada.
- Trường hợp gia đình vừa có con tham gia gói tài chính, vừa có con không tham gia gói tài chính thì chính sách này vẫn được áp dụng cho người con không tham gia gói tài chính.
- Con thứ 2, thứ 3... được tính theo độ tuổi từ lần đến nhỏ.

5.2 Mức ưu đãi

- Con thứ 2: giảm (thêm) 5% học phí phải thanh toán tính tại thời điểm nhà trường nhận được đầy đủ học phí (học phí đã tính chiết khấu thanh toán).
- Từ con thứ 3 trở đi: giảm (thêm) 10% học phí phải thanh toán tính tại thời điểm nhà trường nhận được đầy đủ học phí (học phí đã tính chiết khấu thanh toán).

5.3 Giấy tờ chứng minh anh chị em ruột

- Giấy khai sinh của học sinh sao y có chứng thực.
- Hoặc các giấy tờ hợp lệ (sao y chứng thực) khác có giá trị chứng minh nếu có.

ĐIỀU 6: GIỮ SUẤT HỌC

6.1 Đối với học sinh hiện hữu

- Nhà trường ưu tiên giữ suất học cho đến hết ngày 30/04/2025 với các điều kiện sau:
 - Nhà trường đã nhận được phản hồi của Phụ huynh sẽ tái nhập học/tái ghi danh theo hướng dẫn của Nhà trường (xác nhận qua form online, email hoặc Đơn đăng ký nhập học).
 - Nhà trường đã nhận được phí giữ suất học chậm nhất là vào ngày 30/4/2025 hoặc nhận được học phí đầy đủ (trọn năm hoặc học phí từng kỳ).
- Sau ngày 30/04/2025, Nhà trường sẽ ưu tiên xếp lớp cho học sinh với điều kiện:
 - Học sinh hoàn tất hồ sơ thủ tục tái nhập học theo quy định.
 - Cấp lớp học sinh nhập học/tái nhập học còn đủ sĩ số lớp học.
 - Học phí và các phí khác được thanh toán đúng hạn và đầy đủ.

6.2 Đối với học sinh mới

- Học phí và các khoản phí khác chỉ được tính khi học sinh được chấp nhận vào học tại trường. Việc hoàn tất thanh toán học phí và các khoản phí khác trước đó sẽ không đồng nghĩa với việc học sinh được đảm bảo suất học tại trường.
- Trong trường hợp Phụ huynh đã thanh toán các khoản học phí và phí dịch vụ khác nhưng không được Nhà trường chấp nhận nhập học, tất cả các khoản phí và học phí đã đóng sẽ được hoàn trả cho Phụ huynh (không phát sinh tiền lãi).

ĐIỀU 7: THANH TOÁN HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN PHÍ KHÁC

7.1 Cách thức thanh toán

Phụ huynh có thể lựa chọn thanh toán bằng tiền mặt, thanh toán bằng thẻ tại Phòng Kế toán của trường hoặc chuyển khoản qua ngân hàng vào tài khoản sau:

Bên nhận	CÔNG TY CP TRƯỜNG TH - THCS - THPT ALBERT EINSTEIN
Số tài khoản	77722268 (VNĐ)
Ngân hàng	Ngân hàng thương mại Cổ phần Á Châu Chi Nhánh Tp. Hồ Chí Minh Số 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp.HCM
Swift Code	ASCBVNVX

Lưu ý

- 1 Phụ huynh vui lòng ghi nội dung chuyển khoản hoặc ủy nhiệm chi đáp ứng các thông tin trên giấy để nghị chuyển tiền theo mẫu của ngân hàng hoặc thông tin khi làm lệnh chuyển khoản như sau:
HOTENHOCSINH-LOP-HOCPHI
- 2 Sau khi hoàn tất việc thanh toán, phụ huynh vui lòng email hoặc gửi bản sao Ủy nhiệm chi/giấy chuyển tiền của ngân hàng cho Phòng Kế toán.
- 3 Trường hợp Phụ huynh cần xuất hóa đơn GTGT, vui lòng gửi thông tin trực tiếp hoặc gửi email cho Phòng Kế toán.
- 4 Phí chuyển khoản ngân hàng thuộc trách nhiệm thanh toán của Phụ huynh.

7.2 Trường hợp quá hạn thanh toán

- Sau 15 ngày kể từ ngày thông báo quá hạn thanh toán, Phụ huynh phải chịu lãi suất chậm thanh toán 0,05%/ngày trên tổng số phí chưa thanh toán cho mỗi ngày trễ hạn.
- Sau 30 ngày kể từ ngày thông báo quá hạn, ngoài việc áp dụng lãi suất chậm thanh toán nói trên, Nhà trường sẽ tạm ngưng cung cấp dịch vụ học tập và sẽ không xác nhận kết quả học tập cho học sinh cho đến khi việc thanh toán được hoàn tất.

ĐIỀU 8: CHÍNH SÁCH HOÀN HỌC PHÍ, BẢO LƯU, CHUYỂN HỌC PHÍ

8.1 Đối tượng áp dụng hoàn học phí

- Chính sách hoàn học phí áp dụng cho các trường hợp học phí đã thanh toán một lần trọn năm mà học sinh xin thôi học tại trường (vì bất kỳ lý do gì bao gồm nhưng không giới hạn như: dịch bệnh, thiên tai, phụ huynh chuyển công tác, bị bệnh không thể tiếp tục học tập v.v...) hoặc bị nhà trường buộc thôi học do vi phạm kỷ luật.
- Các hình thức thanh toán học phí khác không phải trọn năm sẽ không được hoàn học phí.

8.2 Điều kiện hoàn học phí

- Phụ huynh đã hoàn tất thông báo về việc nghỉ học của học sinh bằng cách điền đầy đủ “Đơn xin thôi học” theo mẫu của Nhà trường và nộp cho Phòng Học vụ. Thời điểm Phòng Học vụ nhận được “Đơn xin thôi học” hợp lệ được xem là “Ngày Nộp Đơn”. Các thông báo thôi học bằng lời nói hoặc bằng hình thức khác sẽ không được coi là hợp lệ.
- Đồng thời Phụ huynh nộp đơn để nghị hoàn phí cho Phòng kế toán, trong đó ghi rõ thông tin người thụ hưởng, số tài khoản, ngân hàng.
- Trường hợp học sinh bị kỷ luật buộc thôi học thì việc hoàn học phí sẽ căn cứ vào ngày ban hành quyết định buộc thôi học của Nhà trường.

8.3 Mức hoàn trả học phí

- Mức hoàn trả học phí phụ thuộc vào 3 yếu tố: Ngày nộp đơn so với ngày học cuối cùng của học sinh tại trường (hoặc ngày ban hành quyết định buộc thôi học của Nhà trường) và trước hay sau ngày khai giảng năm học.
- Học phí được hoàn lại sẽ không có lãi suất và không được hoàn cho những ngày học sinh vắng mặt trong năm học.
- Học phí được hoàn là tỷ lệ trên mức học phí đã đóng sau khi đã khấu trừ các khoản phí không hoàn lại (nếu các khoản phí này chưa đóng) và phí giữ suất học đối với trường hợp nộp đơn trước ngày khai giảng năm học (bao gồm cả trường hợp chưa đóng phí giữ suất học).
- Tỷ lệ hoàn trả chi tiết như sau:

Ngày nộp đơn	Trước 60 ngày so với ngày học cuối cùng	Trước 30 ngày so với ngày học cuối cùng	Các trường hợp còn lại(*)
Trước ngày khai giảng năm học 2025-2026	100% học phí đã đóng trừ phí giữ suất học	100% học phí đã đóng trừ phí giữ suất học	100% học phí đã đóng trừ phí giữ suất học
Từ ngày khai giảng đến 30/09/2025	60% học phí đã đóng	50% học phí đã đóng	40% học phí đã đóng
01/10/2025 - 31/12/2025	35% học phí đã đóng	25% học phí đã đóng	20% học phí đã đóng
01/01/2026 - 31/03/2026	15% học phí đã đóng	10% học phí đã đóng	Không hoàn phí
Sau 31/03/2026	Không hoàn phí	Không hoàn phí	Không hoàn phí

(*) Áp dụng cho các trường hợp nộp đơn dưới 30 ngày hoặc trường hợp học sinh bị kỷ luật buộc thôi học

8.4 Thanh toán học phí hoàn

Thời gian thanh toán học phí hoàn: trong vòng 15-20 ngày làm việc kể từ ngày học cuối cùng của học sinh được Nhà trường chấp thuận và Phụ huynh không có khiếu nại về việc hoàn học phí và các khoản phí khác.

8.5 Bảo lưu

- Học sinh đã đóng học phí trọn năm mà bị bệnh hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khiến cho học sinh tạm thời không thể tiếp tục học thì được bảo lưu không quá 01 năm học. Trừ trường hợp bị bệnh hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng đột ngột, Phụ huynh vui lòng gửi Đơn xin bảo lưu kèm theo tài liệu chứng minh lý do cho Phòng Học vụ tối thiểu 30 ngày trước ngày khai giảng năm học.
- Trường hợp học sinh đã nhập học mà xin bảo lưu thì Nhà trường sẽ bảo lưu số tiền học phí còn lại sau khi cắt trừ học phí của thời gian đã học tính theo bảng học phí phí này. Căn cứ áp dụng tính số học phí, số tháng học được cắt trừ và được bảo lưu dựa vào bảng tính tại điều 3.4, tương tự như trường hợp nhập học muộn. Học sinh sau khi hết thời hạn bảo lưu mà học tiếp thì học phí sẽ áp dụng theo Biểu Phí của năm học đó và sẽ đóng bổ sung chênh lệch nếu có.
- Trường hợp sau khi bảo lưu mà Học sinh xin thôi học thì học phí sẽ được hoàn theo chính sách hoàn học phí quy định tại điều 8 này. Ngày Phụ Huynh nộp đơn để nghị bảo lưu được xem là Ngày Nộp Đơn để tính mức hoàn học phí theo quy định của Biểu Phí này.

8.6 Chuyển học phí

- Việc chuyển học phí chỉ áp dụng cho các trường hợp học sinh là anh chị em ruột đang học tại trường và thực hiện trước khi khai giảng năm học.
- Các học sinh này được quyền chuyển học phí cho nhau với điều kiện Phụ huynh phải nộp Đơn xin chuyển học phí tối thiểu 30 ngày trước ngày khai giảng năm học kèm theo tài liệu chứng minh anh chị em ruột cho Phòng Học vụ tối thiểu 30 ngày trước ngày khai giảng năm học.
- Các khoản phí không hoàn lại quy định tại Điều 4 Biểu Phí sẽ không được hoàn lại và không được áp dụng khi thực hiện việc chuyển phí.

8.7 Hoàn trả các loại phí dịch vụ khác

Phí dịch vụ suất ăn và phí dịch vụ xe đưa rước sẽ được hoàn lại theo chính sách riêng của từng đơn vị cung cấp dịch vụ. Phụ huynh vui lòng tham khảo biểu phí của từng dịch vụ chi tiết.

ĐIỀU 9: BẤT KHẢ KHÁNG

Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng như hỏa hoạn, thời tiết, thiên tai, dịch bệnh, đại dịch, chiến tranh, khủng bố, bất ổn/bạo động xã hội hay bất kỳ sự việc nào xảy ra nằm ngoài tầm kiểm soát của Nhà trường mà buộc phải đóng cửa trường học, Nhà trường có quyền chủ động tạm thời điều chỉnh địa điểm học, chương trình học và hình thức học cho phù hợp với bối cảnh tại thời điểm đó để đảm bảo hoàn thành chương trình học tập cho Học sinh. Phụ huynh có trách nhiệm đóng đầy đủ các loại phí của năm học theo quy định tại Biểu Phí này để đảm bảo Học sinh hoàn tất chương trình học tập.

ĐIỀU 10: CÁC BIỂU PHÍ KHÁC NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH (DỰ KIẾN)

- Câu lạc bộ ngoại khoá sau giờ học: dự kiến từ 2,500,000VNĐ/học sinh/môn.
- Đã ngoại trú nghỉ học tập: dự kiến từ 2,500,000VNĐ/học sinh/chuyến.
- Chương trình trại hè tại nước ngoài: từ 25,000,000VNĐ/học sinh/trại.

ĐIỀU 11: CUNG CẤP BIỂU PHÍ

11.1 Phụ huynh có thể tìm hiểu thông tin về Biểu học phí hoặc Biểu phí của từng năm học theo các cách thức như sau

- Cung cấp bản giấy trực tiếp tại Phòng Tuyển sinh của trường.
- Cung cấp qua email mà Phụ huynh đã đăng ký trong Đơn đăng ký nhập học (trường hợp thay đổi email, Phụ huynh vui lòng có văn bản thông báo cho Phòng Học vụ).
- Công bố tại mục "Thông tin tuyển sinh" trên website của trường theo địa chỉ <https://esh.edu.vn>

11.2 Thông báo/Liên hệ

Nhà trường sẽ gửi Thông báo học phí, bảng học phí hoặc các thông báo cần thiết khác cho Phụ huynh qua các địa chỉ email sau đây:

- Phòng Tuyển sinh: tuyensinh@esh.edu.vn
- Phòng Kế toán: accounting@esh.edu.vn
- Phòng Học vụ: academic.services@esh.edu.vn
- Trường Einstein School HCM: info@esh.edu.vn

PHẦN CHI: ĐÃ CÔNG KHAI TRÊN WEBSITE



EINSTEIN SCHOOL
HO CHI MINH CITY



**TRƯỜNG TH, THCS & THPT
ALBERT EINSTEIN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 5 năm 2025

BÁO CÁO DỰ KIẾN CHI PHÍ CHO GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026

STT	Nội dung khoản mục tiêu	2025 - 2026
1	Chi phí hành chính	9%
2	Chi phí nhân sự	50%
3	Chi phí giáo dục	10%
4	Chi phí marketing	4%
5	Chi phí cơ sở vật chất	21%
6	Chi phí khác	7%
TỔNG CỘNG		100%

Ngày 19 tháng 5 năm 2025

Hiệu trưởng *Minh*

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Văn Đạt

CÁC FILE CÔNG KHAI GIÁ LÀM THEO QUY ĐỊNH ĐÃ GỬI SỞ GIÁO DỤC KHÔNG ĐỂ LÊN WEBSITE:

Biểu mẫu 01

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP.HCM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRƯỜNG TH, THCS & THPT ALBERT EINSTEIN

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/V kê khai giá dịch vụ giáo dục Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày . . . tháng 0. năm 2025

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Trường TH,THCS&THPT Albert Einstein gửi Bảng kê khai mức giá dịch vụ giáo dục (đính kèm bảng kê và thông báo thu).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/01/2025

Trường TH,THCS&THPT Albert Einstein xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)


Nguyễn Văn Đạt

- Họ tên người nộp Văn bản:.....

- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: Số 16, Đường số 12, KDC 13C, Xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, TP.HCM

- Số điện thoại liên lạc:.....

- Email:.....

Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá :

.....

.....

.....

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HCM
TRƯỜNG TH, THCS & THPT
ALBERT EINSTEIN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngàytháng....năm 2025

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

1. Mức giá kê khai: (đơn vị tính: đồng/học sinh/năm học):

STT	Tên dịch vụ giáo dục	Mức giá kê khai năm học 2024-2025	Mức giá kê khai năm học 2025-2026	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú
	A	1	2	3=2-1	4=3/1	
I	Mức thu học phí hệ chương trình của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam (Không bao gồm các khoản thu khác)					
1	Lớp 1	122,100,000	122,100,000	-	0%	
2	Lớp 2	139,200,000	139,200,000	-	0%	
3	Lớp 3	156,800,000	156,800,000	-	0%	
4	Lớp 4	183,000,000	183,000,000	-	0%	
5	Lớp 5	192,200,000	192,200,000	-	0%	
6	Lớp 6	192,200,000	192,200,000	-	0%	
7	Lớp 7	228,600,000	228,600,000	-	0%	
8	Lớp 8	237,700,000	237,700,000	-	0%	
9	Lớp 9	255,800,000	255,800,000	-	0%	
10	Lớp 10	255,800,000	255,800,000	-	0%	
11	Lớp 11	314,500,000	314,500,000	-	0%	
12	Lớp 12	314,500,000	314,500,000	-	0%	
II	Mức thu học phí hệ chương trình tích hợp Úc (Không bao gồm các khoản thu khác)					
1	Lớp 11	456,300,000	456,300,000	-	0%	
2	Lớp 12	495,500,000	495,500,000	-	0%	
III	Giá dịch vụ khác					
A	Sách giáo khoa hệ chương trình của Bộ Giáo Dục Đào Tạo Việt Nam					
1	Lớp 1	177,920	177,920	-	0.00%	
2	Lớp 2	185,080	185,080	-	0.00%	
3	Lớp 3	161,460	161,460	-	0.00%	
4	Lớp 4	176,140	176,140	-	0.00%	
5	Lớp 5	199,000	199,000	-	0.00%	
6	Lớp 6	329,080	329,080	-	0.00%	
7	Lớp 7	332,360	332,360	-	0.00%	
8	Lớp 8	334,680	334,680	-	0.00%	
9	Lớp 9	380,000	380,000	-	0.00%	
10	Lớp 10	463,000	463,000	-	0.00%	
11	Lớp 11	464,680	464,680	-	0.00%	
12	Lớp 12	502,000	502,000	-	0.00%	
B	Tài liệu tiếng Anh					
1	Lớp 1	2,307,000	2,307,000	-	0.00%	
2	Lớp 2	2,307,000	2,307,000	-	0.00%	
3	Lớp 3	2,461,000	2,461,000	-	0.00%	
4	Lớp 4	2,461,000	2,461,000	-	0.00%	

5	Lớp 5	2,626,000	2,626,000	-	0.00%	
6	Lớp 6	740,000	740,000	-	0.00%	
7	Lớp 7	740,000	740,000	-	0.00%	
8	Lớp 8	740,000	740,000	-	0.00%	
9	Lớp 9	740,000	740,000	-	0.00%	
10	Lớp 10	899,000	899,000	-	0.00%	
11	Lớp 11	899,000	899,000	-	0.00%	
12	Lớp 12	899,000	899,000	-	0.00%	
C Đồng phục hệ chương trình của Bộ Giáo Dục Đào Tạo Việt Nam						
C.1 Khối tiểu học						
1	Áo Polo	220,000	220,000	-	0.00%	
2	Quần nam	250,000	250,000	-	0.00%	
3	Váy nữ	270,000	270,000	-	0.00%	
4	Áo thể dục	190,000	190,000	-	0.00%	
5	Quần thể dục	160,000	160,000	-	0.00%	
C.1 Khối Trung học						
1	Áo Polo	220,000	220,000	-	0.00%	
2	Quần nam	250,000	250,000	-	0.00%	
3	Váy nữ	270,000	270,000	-	0.00%	
4	Áo thể dục	190,000	190,000	-	0.00%	
5	Quần thể dục	160,000	160,000	-	0.00%	
D Đồng phục hệ chương trình tích hợp Úc						
D.1 Đồng phục nam						
1	Áo sơ mi	530,000	530,000	-	0%	
2	Quần tây	600,000	600,000	-	0%	
3	Áo Ghile	380,000	380,000	-	0%	
4	Áo Vest	840,000	840,000	-	0%	
5	Caravat	82,000	82,000	-	0%	
D.2 Đồng phục nữ						
1	Áo sơ mi	530,000	530,000	-	0%	
2	Váy nữ	580,000	580,000	-	0%	
3	Áo Ghile	350,000	350,000	-	0%	
4	Áo Vest	810,000	810,000	-	0%	
5	Caravat	82,000	82,000	-	0%	
E Quyền bảo hiểm tai nạn						
	Căn cứ theo HD của NCC					
F	Phí kiểm tra đầu vào hệ chương trình của Bộ Giáo Dục Đào Tạo Việt Nam	1,100,000	1,100,000	-	0%	
G	Phí nhập học hệ chương trình của Bộ Giáo Dục Đào Tạo Việt Nam	10,000,000	10,000,000	-	0%	
H	Phí kiểm tra đầu vào hệ chương trình tích hợp Úc	2,200,000	2,200,000	-	0%	

I	Phí nhập học hệ chương trình tích hợp Úc	20,000,000	20,000,000	-	0%	
L	Phí cấp hồ sơ	50,000	50,000	-	0%	
S	Phí ngoại khóa				0%	
1	Lớp 1 đến Lớp 2		1,600,000		0%	
2	Lớp 3 đến Lớp 5		3,000,000		0%	
3	Lớp 6 đến Lớp 12		7,000,000		0%	

2. Phân tích nguyên nhân biến động (nếu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá dịch vụ giáo dục trong việc thực hiện kê khai giá):

Tăng/Giảm trong điều kiện mức lạm phát bình thường hằng năm và không xảy ra biến động bất thường.

3. Chính sách và mức khuyến mại, giảm giá hoặc chiết khấu (nếu có).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/01/2025

Ghi chú:

- Không kê khai khoản thu hộ, chi hộ (vd: Bảo hiểm y tế học sinh, Bảo hiểm tai nạn học sinh, sách giáo khoa...)

Biểu mẫu 02

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HCM
TRƯỜNG TH, THCS & THPT
ALBERT EINSTEIN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày . tháng , năm 2025

BẢNG DỰ KIẾN MỨC THU HỌC PHÍ THEO TỪNG CẤP HỌC
(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

1. Mức giá dự kiến đối với từng cấp học

Đơn vị tính: đồng/học sinh

STT	Tên dịch vụ giáo dục (Dự kiến học phí năm nay và những năm học tiếp theo của từng khối lớp)	Mức thu dự kiến theo cấp học	Mức tăng/giảm giá trung bình hàng năm	Tỷ lệ tăng/giảm giá trung bình hàng năm	Ghi chú
1	Mức thu học phí chương trình của Bộ Giáo Dục Việt Nam				
1.1	Mức thu học phí của cấp Tiểu Học	947.360.000	38.515.000	4.1%	Dự kiến năm học 26-27 không tăng học phí, các năm tiếp theo mỗi năm tăng không quá 8%
1.2	Mức thu học phí của cấp THCS	1.038.580.000	41.426.667	4.0%	
1.3	Mức thu học phí của cấp THPT	962.290.000	38.745.000	4.0%	
2	Mức thu học phí chương trình tích hợp Úc				
2.1	Mức thu học phí cấp THPT	991.440.000	39.640.000	4.0%	Dự kiến năm học 26-27 không tăng học phí, các năm tiếp theo mỗi năm tăng không quá 8%

2. Phân tích nguyên nhân biến động (nêu rõ các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá dịch vụ giáo dục trong việc thực hiện dự kiến mức thu):

Tăng trong điều kiện mức lạm phát bình thường hằng năm và không xảy ra biến động bất thường.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Văn Đạt